



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE XUAN HAI
Last Middle First

Current Address: 610 Hoang van Thu - P4 - Tan Binh - HCM

Date of Birth: 07-10-50 Place of Birth: Ha Noi

Previous Occupation (before 1975) Sergeant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 03/03/76 To 8/3/83
Years: 7 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: FUPPA
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Fill or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabber Building
Sathorn Tai Rd.
Bangkok 10120
Thailand

Xin điền vào số câu hỏi này bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết bằng Anh ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : LÊ - XUÂN - HẢI Sex: Phái NAM
2. Other Names
Họ, tên khác :
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 10. 07. 1950 - HÀ NỘI
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 610 Hoàng-vân-Thư - P.4 - TÂN BÌNH
TP. HỒ-CHÍ-MINH
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 610 Hoàng-vân-Thư - P.4 - TÂN BÌNH
TP. HỒ-CHÍ-MINH
6. Current Occupation
Nghề-nghiep hiện tại : Bơm sữa Rượu gas
7. Relatives To Accompany Me/Hà con cùng đi với tôi

NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S.)

Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-dình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S.)

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-dình
1. <u>Ngô-Thư-Bà</u>	<u>05.10.1952</u>	<u>Hà sơn bình Nữ</u>			<u>Vợ</u>
2. <u>Lê-Mỹ-Linh</u>	<u>08.03.1987</u>	<u>Hồ chí minh Hùng-Văn-Nữ</u>			<u>Con</u>
3. <u>Lê-Mỹ-TRANG</u>	<u>27.11.1989</u>	<u>Hồ chí minh Hùng-Văn-Nữ</u>			<u>Con</u>
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificate, marriage certificate (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and more. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

Chú-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, hôn-thức (nếu lập gia-dình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa-phụ/góa-thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con có cùng đi với bạn ông chúng tôi với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ (trong phần I.)

C. Relative's Data: Vietnam Republic of North Vietn

of Name/ của tôi

of My Spouse/ của vợ/ chồng

1. Closest Relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

a. Name
Họ, tên

b. Relationship
Liên-hệ gia đình

c. Address
Địa-chỉ

d. Date of Relative's Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

b. Relationship
Liên-hệ gia đình

c. Address
Địa-chỉ

3. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

: LÊ VĂN - KIỆM (S) sinh 1930

2. Mother
Mẹ

: NGUYỄN - THỊ - NHÂN (S) sinh 1930

3. Spouse
Vợ/Chồng

: NGÔ - THU - BA (S) sinh 1952

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái

(1) LÊ - MỸ - LINH sinh 1987

(2) LÊ - MỸ - TRANG - 1989

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

- Siblings
Anh chị em

(1) LÊ - THỊ - KIM - CHAU (S) sinh năm 1952, em ruột

(2) LÊ - THĂNG - NAM (S) -u- 1954 -u-

(3) LÊ - THỊ - KIM - LIÊN (S) -u- 1956 -u-

(4) LÊ - THỊ - KIM - THÚY (S) -u- 1959 -u-

(5) LÊ - THỊ - KIM - LAN (S) -u- 1963 -u-

(6) LÊ - PHUOC - HƯNG (S) -u- 1967 -u-

(7) LÊ - PHUOC - THỊNH (S) -u- 1969 -u-

(8)

(9)

Employment by U.S. Government Agencies or other U.S. organization of person in
Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của chính phủ Mỹ hoặc bang Mỹ

Employee Name
Tên họ nhân-viên :

Position title
Chức-vụ :

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng :

Length of Employment
Thời-gian làm-việc

From:
Từ

To:
Tới

Name of American Supervisor
Tên họ giám-chỉ Mỹ:

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc :

2. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title
Chức-vụ :

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng :

Length of Employment
Thời-gian làm-việc

From:
Từ

To:
Tới

Name of American Supervisor
Tên họ giám-chỉ Mỹ:

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc :

3. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title
Chức-vụ :

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng :

Length of Employment
Thời gian làm việc

From:
Từ

To:
Tới

Name of American Supervisor
Tên họ giám-chỉ Mỹ:

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc :

Service with CVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng đã Công-vu với
Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Having
Họ tên người tham-gia:

LE XUAN-HAI

2. Dates:
Ngày, tháng, năm

From:
Từ

15. 07. 1968

To:
Tới

30. 04. 1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng

Trung Sĩ

Serial Number:

Số thẻ nhân-viên: 70/120.730

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Định-Chung

Tiểu-Đoàn Yên-Trò / Sư-Đoàn Nhảy Dũ KDC: 4759

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-chỉ/sĩ-quan
chỉ-huy

- Thiếu Tá VÕ VĂN THU
Quỹ Tiểu-Đoàn Trưởng / Tiểu-Đoàn Yên-Trò /
Sư-Đoàn Nhảy Dũ

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :

7. Name of American Ambassador :
Họ tên cố vấn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam :
Chương-Trình huấn-luyện Hoa Kỳ
tại Việt-Nam :

9. U.S. Awards or Certificates :

Name of award :

Phần thưởng hoặc giấy khen :

Date received :

Ngày nhận :

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes ☒ No ☐)

(CHÚ Ý: Xin hạn kèm theo văn-bằng, giấy khen-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.

Đúng số có không? Có ☒ Không ☐)

10. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoài quốc :

1. Name of Student/Trainee :

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện :

2. School and School Address :

Trường và địa-chỉ nhà trường :

3. Dates :

Ngày, tháng, năm

From

Từ :

To

Đến :

4. Description of Courses :

Mô-tả ngành học :

5. Who paid for training? :

AI đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☒ No ☐)

(CHÚ Ý: Xin hạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☒ Không ☐)

II. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo :

1. Name of Person in Reeducation :

Họ tên người đi học-tập cải-tạo :

LÊ XUÂN - HẢI

2. Time in Reeducation: From :

Thời gian học-tập

To :

Đến :

03-03-1976

To :

Đến :

03-08-1983

3. Still in Reeducation? * Yes ☐ No ☒

Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có ☐ Không ☒

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

1. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc :

-Tiền căn trong vụ án Nhà Thờ Vĩnh Sơn (1976) là
cháu của Thiếu tá Nguyễn Ngọc Tiếp (đã chết) trong
vụ này. Học tập cải tạo tại trại K3, Z30A Xuân
Lê - Đồng Hới.

Signature

Ký tên :

Date

Ngày :

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

09/08/83

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2365 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại Xuân Lộc

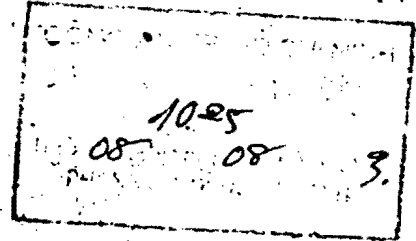
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 72 GRI

6 6 3 3 7 0 1 5 4 4 2

SHSLD

GIẤY RA TRẠI



Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 34/QU ngày 20 tháng 07 năm 83

của Hệ Nội Vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê Xuân Hải Sinh năm 19 50

Các tên gọi khác

Nơi sinh Hà Nội

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

610 Hoàng Văn Thụ, Tân Bình TP/Hồ Chí Minh.

Cán tội Chống Quân, Phản tử Phản CM

Bị bắt ngày 03/03/1976 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 610 Hoàng Văn Thụ, Tân Bình TP/Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Quản chế 12 tháng

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

Lên tay ngón trỏ phải

Của Lê Xuân Hải

Danh bìn số _____

Lập tại _____

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 3 tháng 8 năm 19 83

Giám thị

Lê Xuân Hải SX 80

CHUNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Xuất trình tại UBND Phường 4

Ngày 13 tháng 8 năm 1986

PHƯỜNG 4 TR



VIỆN THƯ KÝ
Tham gia Long

Kính nhận
đơn trình dãn tại địa phương

Ngày 5/8/1983
THỦ QUẢN AN-PH



Trần H. H.

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT 13/P3

Xã, Thị trấn: TB
Thị xã, Quận: TB
Thành phố, tỉnh: HCM

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 154/1985
Quyền 01/P4
8

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN	<u>LÊ XUÂN HẢI</u>	<u>NGÔ THƯ BA</u>
Bí danh		
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	<u>1950</u>	<u>1952</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt</u>	<u>Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>chăm nuôi</u>	<u>giáo viên</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	<u>610 Hoàng Văn Thụ phường 4 - TP. HCM</u>	<u>66/2 Lạc Quang Tân thời Nhất Hòa Môn</u>
Số giấy CM, GNCC hoặc hộ chiếu		<u>020280135</u>

Đăng ký, ngày 12 tháng 11 năm 1985

T.N. UBND Q. TB

Người chồng ký

Người vợ ký

Ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ủy viên thư ký

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

đã ký

NGUYỄN THÁI SỬ

Ngày 20 tháng 11 năm 1985
Q. TB



Ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên, chức vụ)

[Handwritten signature]

Số 3237/HT (1)

Ngày 8 tháng 7 năm 1969 (1)

1 TH/6

GIẤY THẾ-VÌ KHAI-SANH CHO

LÊ QUÂN HẢI

Năm một ngàn chín trăm 69 ngày 8 tháng 7 hồi 8 giờ 30

Trước mặt chúng tôi là PHAN VĂN TƯ Chánh-án Toà Hoà-Giải
Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự

PHẠM KHẮC NGHỊ

phụ-tá

ĐÃ TRÌNH - DIỆN :

- 1.— Ô. HUỲNH VĂN CHÀ
- 2.— Ô. NGUYỄN TRỌNG CHÍN
- 3.— Ô. TRƯƠNG VĂN BƯỞ

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

LÊ QUÂN HẢI(nam)

Sanh ngày 10-7-1950 tại Hà Nội (Bắc Phần), con
của Ô. LÊ VĂN KIỆM và bà NGUYỄN THỊ NHẬN ./.

Và duyên cớ mà
khai-sanh được, là vì

Ô. LÊ VĂN KIỆM
sự giao-thông gian đoạn

không có thể xin sao lục

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thế-vì khai
sinh này cho đương-sự để xử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-dịnh ngày 17 tháng 11
năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam Phần Việt-Nam. Các điều 363 và
tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và
phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,

LỤC-SAO Y,

Saigon, ngày 11 tháng 8 năm 1969
CHÁNH - LỤC - SỰ,



[Handwritten signature]

LÊ-CHÍ-MẬU

GIÁ TIỀN : 5\$00

(1) Chi tiết của nhắc mỗi khi
xin cấp tên bản sao.

BỘ TƯ-PHÁP

Số 0005/H.T

N.C.T/28

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

Ngày 30 tháng 11 năm 1964

TÒA HOÀ-GIẢI
SAIGON

GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

NGŨ-THU-BA

Năm một ngàn chín trăm 64 ngày 30 tháng 11 hồi 8 giờ 30

Trước mặt chúng tôi là PHAN-VAN-TU Chánh-ám Toà Hoà-Giải

Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự.

BUI-QUANG-NAM phụ-tá

ĐẢ TRÌNH DIỆN :

1.— O. Vũ-ngọc-Ban

2.— O. Phạm-kim-Dạm

3.— O. Đỗ-ngọc-Giác

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

- Ngŭ-thu-ba (H.)

Sanh ngày Năm, tháng Mười, năm Một Ngàn Chín Trăm Năm Mươi Hai (05-10-1952) tại Quang-Húc, Sơn-Tây (Bắc-Phân), con của Ông Ngŭ-đỉnh-Duy và Bà Trần-thị-Nhung.-

Và duyên cớ mà Ông Ngŭ-đỉnh-Duy không có thể xin sao-lục khai-sanh được, là vì sự giao thông gián đoạn

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này cho đương-sự để sử dụng theo luật, chiếu theo Nghị định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 3.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,



Saigon, ngày 04 tháng 12 năm 1964

LỤC-SAO Y,

CHÁNH-LỤC-SỰ,

GIÁ TIỀN : 5800

BUI-QUANG-NAM

Xã, Thị trấn

Thị xã, Quận

Thành phố, Tỉnh

Phường 4

Tân Bình

Sở Chỉ hính

BẢN SAO

Số

Quyền số

01/P.4

GIẤY KHAI SINH

Họ và tên	LÊ KÝ LINH		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm	Ngày tám, tháng ba dương lịch, năm một chín tám bảy.			
Nơi sinh	Bệnh viện Hùng Vương.			
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	LÊ XUAN HAI 10 - 07 - 1950	NGO THU BA 05 - 10 - 1952		
Dân tộc	Kinh			
Quốc tịch	Việt	Nga		
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Chăn nuôi	Giáo viên		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	610 Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. LÊ XUAN HAI, Ba mươi bảy tuổi, 610 Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày tháng năm

TM/UBND

ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày tháng năm

TM UBND

Ký tên, đóng 1987

(ghi rõ họ, tên, chức vụ)

ỦY VIÊN THƯ KÝ

Ủy viên Thư ký

(chữ ký và đóng dấu)

PHAN VĂN LANG

Phan Văn Lang

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường.....
Huyện, Quận.....
Tỉnh, Thành phố.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số.....
Quyền số.....



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên.....
Ngày, tháng, năm sinh.....
Nơi sinh.....
Dân tộc..... Quốc tịch.....

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên		
Tuổi		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp		
Nơi thường trú		

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai
Chứng minh thư số.....

Người đứng khai

Đã đăng ký ngày..... tháng..... năm.....
TM ỦY BAN NHÂN DÂN
PHAN VĂN LƯƠNG

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày..... tháng..... năm.....
TM UBND

Ký tên, đóng dấu
Đỗ Thị Thanh Tân

— Saigon 19.04.1990 —

Kính thưa Bà !

Tôi nguyên là 1 Hạ sĩ quan thuộc
binh chủng nhảy dù, tại ngũ tới ngày 30.4.75;
sau ngày này tôi tham gia Mặt Trận Dân Quân
phục Quốc và bị bắt ngày 03.03.76 khi
vụ án nhà thờ Vĩnh Sơn đồ 'bê'. Tôi phải đi
học tập cải tạo gần bảy năm rưỡi, sau khi
được thả về khoảng 2 năm (1985) tôi đã lập
gia đình và hiện nay đã được hai cháu nhỏ,
cuộc sống gia đình rất chật vật khó khăn. Tôi
gởi hồ sơ này đến Bà, kính mong Bà can
thiệp giúp tôi, nếu tôi thuộc diện được ra
đi.

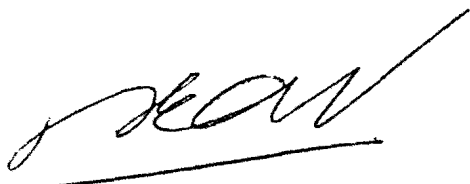
- Chân thành cảm ơn Bà

- kính chúc Bà sức khỏe và mọi sự
tốt đẹp như ý.

Kính chào Bà.

IB: - Rất mong
nhận được hồi âm
của Bà.

- Hồ sơ nếu còn thiếu sót
xin Bà vui lòng cho biết để
tôi bổ túc.



Lê Xuân - Hải

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯƠNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: CN

Họ và tên chủ hộ:

Ấp, ngõ, số nhà:

Thị trấn, đường phố:

Xã, phường:

Huyện, quận:

Ngày 10 tháng 3 năm 1982

Trưởng công an:

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PHÓ CÔNG AN QUẢN

Số NK 3:

TRƯỞNG TÀI: TRẦN CÔNG AN

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên căn hộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Lê Văn Thiêm	chủ hộ	nam	1930	020846932		01/11/1976		
02	Nguyễn Thị Nhân	đồng	nữ	1930			01/10/1976		
03	Lê Thị Kim Châu	con	nữ	1952			01/10/1976		
04	Lê Thanh Nam	con	nam	1954			01/10/1976		
05	Lê Thị Kim Thu	con	nữ	1959	020903003		01/10/1976		
06	Lê Thị Kim Lan	con	nữ	1963			01/10/1976		
07	Lê Thị Kim Hương	con	nam	1967			01/10/1976	05/10/97 32.12.87	
08	Lê Thị Thanh	con	nam	1969	0209026066		01/10/1976	05/10/97 32.12.87	
09	Lê Thị Hồng Ngọc	con	nữ	1955	022038314		15/10/1976		
10	Lê Trung Kiên	cháu	nam	1978			15/10/1976		
11	Lê Trung Nghĩa	cháu	nam	29/7/84			15/10/1976		
12	Lê Xuân Thái	con	nam	1950	022354407		21.10.1976		
13	Ngô Thu Ba	con	nữ	1952			24.02.1985		
14	Lê Mỹ Linh	cháu	nữ	08.3.1987			25.3.1987	MS04	
15	Lê Phúc Hưng	con	nam	1967			06.01.1989		
16	Lê Mỹ Trang	cháu	nữ	27.11.1989			08.12.1989		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022354407

Họ tên **LÊ XUÂN HẢI**

Sinh ngày **10-7-1950**

Nguyên quán **Hải Hưng.**

Nơi thường trú **610 Hoàng Văn-
Thụ P4, T/3, TP. Hồ Chí Minh.**



Dân tộc: **kinh** Tôn giáo: **thiên chúa**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

**seo thẳng dài 2cm o,
1, 5cm dưới trước
mép trái.**

Ngày **23** tháng **4** năm **1987**

CHỖ ĐẤNG HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN



NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: C20280135

Họ tên NGÔ THU BA



Sinh ngày 05-10-1952

Nguyên quán Hà Sơn Bình.

Nơi thường trú 66/2 Tân Thới
Nhứt, H-Môn, TP. Hồ Chí Minh.

SAD Y BẮN CHÁNH SỞ

Tên Lính: NGUYỄN VĂN CƯỜNG / Năm 1981



Chức vụ: Trung tá

Kiểm: giấy xN en v lnh ch' cũ
Số 611.

- Ch' tập nhóm + trừu tượng

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Thiên Chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chàm c, 2cm dưới
sâu mép trái.

Ngày 01 tháng 9 năm 1978

KIỂM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHIẾU CHẤM ĐỐC

[Signature]
Nguyễn Minh Tâm

LÊ - XUÂN - HAI
610 Hoàng-vân-Thư - P4
TÂN ĐÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

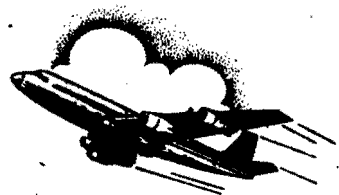
PAR AVION



^{RB}
KINH GỎI: BÀ KHUẾ MINH THỎ

P.O. Box 5435, ARLINGTON, VA. 22205-0635

USA



PAR AVION VIA AIR MAIL



LÊ-XUÂN-
HẢI

1950

NGÔ-THU
BA

1952

LÊ-MỸ-
LINH

1987